

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày 08-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Tĩnh.

2/ Bà Mai Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Nhung, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng G; sinh năm 1980 tại Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (sống) và bà Nguyễn Thị L (sống); có vợ tên Võ Thị Ngọc T (đã ly hôn) và 01 con chung, sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 20/9/2004 bị Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời gian 24 tháng. Bị cáo được tại ngoại cho đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại:* Ông Dương Kim N; sinh năm: 1984; nơi cư trú: xã M, huyện T, tỉnh Long An. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Huỳnh Văn O; sinh năm: 1953; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An. Có mặt.

2/ Bà Hồ Thái L; sinh năm: 1971; nơi cư trú: đường V, phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Có mặt.

3/ Ông Đoàn Công R; sinh năm: 1966; nơi cư trú: ấp Ô, xã A, huyện C, tỉnh Long An. Vắng mặt.

4/ Bà Võ Thị V; sinh năm: 1973; nơi cư trú: đường T, phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Có mặt.

5/ Bà Huỳnh Thanh M; sinh năm: 1981; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An. Vắng mặt.

6/ Bà Đinh Thị M; sinh năm: 1968; nơi cư trú: đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Trần Thành T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/8/2018, bị cáo Nguyễn Hoàng G đang uống cà phê tại quán B địa chỉ đường N, phường T, thành phố T, tỉnh Long An thì nhìn thấy xe ô tô biển số 63D- 000.21 đang đậu trước cửa quán, trong xe có các bao cà phê hiệu Liên Minh thuộc sở hữu của ông Dương Kim N, không người trông giữ nên bị cáo G nảy sinh ý định lấy trộm. Sau đó, bị cáo G đi về nhà mượn xe mô tô biển số 62M4-9325 của bà Võ Thị V, điều khiển đến quán B. Khi đến nơi, bị cáo G đậu xe sát vào xe ô tô, lén lút dùng tay phải kéo cửa kính xe ô tô ra, lấy trộm 03 bao cà phê, có trọng lượng 15kg, gồm 5kg cà phê hiệu Liên Minh loại bao bì màu đỏ và 10kg cà phê hiệu Liên Minh loại bao bì màu xanh. G khiêng xuống để lên gác ba ga trước cửa xe mô tô rồi chạy đến quán cà phê của bà Đinh Thị M tại chân cầu Đ thuộc phường M, thành phố T, tỉnh Long An thì gặp ông Huỳnh Văn O, đang uống cà phê. Sau khi nói chuyện, biết được bị cáo G vừa trộm cà phê tại quán B nên ông O rủ bị cáo G tiếp tục đi lấy trộm cà phê thì bị cáo G đồng ý. Sau đó, bị cáo G để số cà phê vừa lấy trộm lại quán, rồi ông O điều khiển xe mô tô biển số 62B1-157.66 là xe mà ông O mượn của bà Huỳnh Thanh M, chở bị cáo G đi đến trước quán B. Khi đến nơi, ông O cho xe đậu sát vào xe ô tô còn bị cáo G ngồi sau dùng tay phải kéo cửa kính xe ô tô ra, lấy trộm 04 bao cà phê có trọng lượng 20kg, gồm 05kg cà phê

hiệu Liên Minh loại bao bì màu đỏ và 15kg cà phê hiệu Liên Minh loại bao bì màu xanh, rồi để lên phía trước gác ba ga xe mô tô 62B1-157.66 chạy về quán cà phê của bà M ở chân cầu Đ. Lúc này, G chia cho ông O 02 bao cà phê, có trọng lượng 10kg, còn G giữ lại 05 bao cà phê, có trọng lượng 25kg. Sau đó, G đem 25kg cà phê đến chợ phường H và chợ K thuộc thành phố T, tỉnh Long An bán lẻ lại cho những người đi đường được 1.000.000đ. Còn ông O đem 10kg cà phê trộm được bán cho bà Hồ Thái L được 300.000đ. Sau khi bị mất trộm, ông N đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc, đến ngày 14/8/2018 Cơ quan Công an đã mời bị cáo G và ông O làm việc, cả hai đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận về việc định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự số 163/KL-HĐĐG ngày 06/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố Tân An, tỉnh Long An kết luận giá trị tài sản như sau: 10kg cà phê hiệu Liên Minh loại bao bì màu đỏ, có giá trị là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng); 25kg cà phê hiệu Liên Minh loại bao bì màu xanh, có giá trị là 1.625.000đ (một triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), tổng giá trị 35kg cà phê là 2.425.000đ (hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Tại kết luận về việc định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự số 347/KL-HĐĐG ngày 06/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố Tân An, tỉnh Long An kết luận giá trị tài sản như sau: 05kg cà phê hiệu Liên Minh loại bao bì màu đỏ, có giá trị là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng); 15kg cà phê hiệu Liên Minh loại bao bì màu xanh, có giá trị là 975.000đ (chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), tổng giá trị 20kg cà phê là 1.375.000đ (một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Đối với ông Huỳnh Văn O đã có hành vi trộm cắp tài sản cùng với bị cáo Nguyễn Hoàng G nhưng tài sản lấy trộm chưa đủ định lượng và ông O chưa có tiền án, tiền sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An không truy cứu trách nhiệm hình sự mà Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với bà Hồ Thái L khi mua 10kg cà phê hiệu Liên Minh loại bao bì xanh của ông O, bà L không biết tài sản trên do phạm tội mà có và đã giao nộp lại 10kg cà phê trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An không xem xét trách nhiệm hình sự. Ngày 30/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 10kg cà phê hiệu Liên Minh loại bao bì xanh cho ông Dương Kim N.

Đối với bà Võ Thị V cho bị cáo G mượn xe mô tô biển số 62M4- 9325 và bà Huỳnh Thanh M cho ông O mượn xe mô tô biển số 62B1-157.66, bà V và bà M không biết bị cáo G, ông O sử dụng xe vào việc phạm tội nên ngày 30/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho bà V và bà M.

Đối với bà Đinh Thị M là chủ quán cà phê, việc bị cáo G để tài sản trộm cắp tại quán, bà M không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo G đã bồi thường số tiền 1.775.000đ cho ông Dương Kim N, ông N đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì. Ông O đã trả lại cho bà Hồ Thái L số tiền 300.000đ. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

Tại cáo trạng số 01/CT-VKSTA-HS ngày 03/12/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng G về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng G đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An truy tố tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSTA-HS ngày 03/12/2018. Cụ thể: Truy tố: Về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng G phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào khoản 1, Điều 173; Điều 50; Các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Bị cáo Nguyễn Hoàng G phải có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tân An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nhau, không có mâu thuẫn.

Qua lời khai nhận hành vi của bị cáo cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo được xét hỏi tại phiên tòa đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo như sau: Bị cáo Nguyễn Hoàng G không có việc làm ổn định, do muốn có tiền để tiêu xài nên vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 03/8/2018, tại quán cà phê B, địa chỉ đường N, phường T, thành phố T, tỉnh Long An, bị cáo đã lén lút trộm cắp 35kg cà phê hiệu Liên Minh của ông Dương Kim N trị giá 2.425.000đ. Với hành vi lén lút của bị cáo Nguyễn Hoàng G và giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên hành vi vi phạm của bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đồng thời qua phân tích, đánh giá nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm căn cứ chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và hoàn toàn chính xác đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi trái pháp luật do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ việc xem thường pháp luật, bị cáo có đủ sức khỏe lao động phục vụ bản thân, lo cho gia đình và đóng góp cho xã hội nhưng lại không chịu lao động mà muốn có tài sản để tiêu xài theo sự ham muốn cá nhân của mình, nên thúc đẩy và đưa bị cáo vào đường phạm tội. Trực tiếp chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật quy định bảo vệ. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần phải xác định đến tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo để có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đối với bị cáo cần phải được xử lý thật nghiêm khắc theo quy định của pháp luật, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn và buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bản thân bị cáo có nhân thân xấu vì đã bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mặc dù đã hết thời gian bị coi là có tiền sự nhưng không chịu sửa chữa khắc phục mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, xét bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tài sản đã được thu hồi giao trả lại cho người bị hại, bị cáo có người thân là

người có công với nước như ông ngoại của bị cáo là liệt sĩ đã được Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất cũng được xem thêm là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có các tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Thế nên, đối với bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt.

[4] Đối với ông Huỳnh Văn O đã có hành vi trộm cắp tài sản cùng với bị cáo Nguyễn Hoàng G nhưng tài sản lấy trộm chưa đủ định lượng và ông O chưa có tiền án, tiền sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An không truy cứu trách nhiệm hình sự mà Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp, nên không đề cập đến.

Đối với bà Hồ Thái L khi mua 10kg cà phê hiệu Liên Minh loại bao bì xanh của ông O, bà L không biết tài sản trên do phạm tội mà có, đã giao nộp lại 10kg cà phê trên và bà Đinh Thị M là chủ quán cà phê, việc bị cáo G để tài sản trộm cắp tại quán, bà M không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà L, bà M là phù hợp, nên không đề cập đến.

Đối với bà Võ Thị V cho bị cáo G mượn xe mô tô biển số 62M4-9325 và bà Huỳnh Thanh M cho ông O mượn xe mô tô biển số 62B1-157.66, bà V và bà M không biết bị cáo G, ông O sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho bà V và bà M là phù hợp, nên không đề cập đến.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Tài sản bị chiếm đoạt được thu hồi và giao trả lại cho người bị hại. Bị cáo G đã bồi thường số tiền 1.775.000đ cho ông Dương Kim N, ông N đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì. Ông Huỳnh Văn O đã trả lại cho bà Hồ Thái L số tiền 300.000đ. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[1] Căn cứ vào khoản 1, Điều 173; Điều 50; Các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

[2] Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hoàng G phải có nghĩa vụ chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TPTA;
- VKSND tỉnh LA;
- Công an TPTA;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo, đương sự;
- THA, AV, Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên

